

Đầu nối ren khí
NPQR-T-G12-Q16
Số bộ phận: 8085696

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Kích thước	Tiêu chuẩn
Chiều rộng định mức	14 mm
Độ sâu chèn ống	23.5 mm
Loại đệm kín trên ngông vặn vít	Vòng đệm
Vị trí lắp đặt	bất kì
Thiết kế	Dạng T
Kích cỡ gói	1
Cấu trúc xây dựng	Nguyên tắc đẩy-kéo
Áp suất vận hành của khoảng nhiệt độ hoàn chỉnh	-0.095 MPA...1.2 MPA -0.95 bar...12 bar -13.775 psi...174 psi
Lưu ý về áp suất vận hành	Nước: tối đa 0,7 MPA ở tối đa 0 - 80 °C
Cơ quan cấp chứng chỉ	NSF C0556009
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:-:-] Nước (chất lỏng, không có đá)
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu
Lớp chống ăn mòn KBK	4 - ứng suất ăn mòn đặc biệt mạnh
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B2-L
Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion	Sản phẩm tương ứng với định nghĩa sản phẩm nội bộ của Festo để sử dụng trong sản xuất pin: Các kim loại có hơn 1% trọng lượng là đồng, kẽm hoặc niken không được sử dụng. Các trường hợp ngoại lệ là niken trong thép, bề mặt mạ niken hóa học, bo mạch, cáp, bộ kết nối và cuộn dây.
Loại phòng sạch	Loại 4 theo ISO 14644-1
Phù hợp với thực phẩm	xem tuyên bố về sự phù hợp NSF/ANSI 169
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-5 °C...150 °C
Lưu ý về nhiệt độ môi trường	với PUN-H: -20 °C - 60 °C
Mô-men xoắn thắt chặt danh nghĩa	9 N m
Khả năng chịu được mômen siết danh nghĩa	± 20 %
trọng lượng sản phẩm	132 g
Kiểu gắn	Ổ cắm lục giác ngoài SW25
Cổng nối khí nén 1	Ren ngoài G1/2
Cổng nối khí nén 2	đối với ống mềm bên ngoài Ø 16 mm

Đặc tính	Giá trị
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu vỏ	thép hợp kim cao không gỉ
Vật liệu vòng bít ren	FPM
Vòng giữ vật liệu	thép không gỉ hợp kim cao
Vật liệu vòng nhả	thép không gỉ hợp kim cao
Vật liệu vòng đệm kín ống mềm	FPM
Đoạn kẹp ống vật liệu	thép không gỉ hợp kim cao
Vòng hỗ trợ vật liệu	PPSU